

Bản án số: 297/2023/HS-ST
Ngày: 18-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Đúng

- Ông Lại Hữu Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 319/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 316/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm 1995 tại tỉnh Kiên Giang; giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp V, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: B4/24A ấp B, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị T3; bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án: Không; Tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 19/7/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Ông **Phạm Duy C**, sinh năm: 1960; Địa chỉ: B Ấp B, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối năm 2019, **Nguyễn Thị Mỹ T1** và ông **Phạm Duy C** quen biết và có tình cảm nam nữ, yêu đương với nhau từ lúc ông **C** đang có vợ con.

Trong thời gian yêu nhau, khoảng 01 tuần cả hai đi khách sạn quan hệ tình dục với nhau một lần. Mỗi lần quan hệ tình dục xong ông C cho T1 từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng. Có khoảng thời gian T1 bị bệnh, ông C cho T1 mỗi tháng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng để mua thuốc. Ngày 23/6/2023 cả hai quan hệ tình dục với nhau và sau đó ông C yêu cầu chấm dứt mối quan hệ với T1.

Đến khoảng đầu tháng 7/2023, do T1 cần tiền chữa bệnh và tiêu xài cá nhân nên T1 có xin tiền ông C nhưng ông C không cho vì và ông C cho rằng chỉ có mối quan hệ ăn bánh trả tiền, nghĩa là quan hệ tình dục xong ông C sẽ cho T1 tiền và không có tình cảm gì với T1. Tiên nhiều lần gọi điện thoại đe dọa ép buộc ông C phải đưa cho T1. Ông C nói không có tiền thì T1 đe dọa sẽ nói cho vợ ông C biết việc ông C quen biết với T1 và thường đi khách sạn quan hệ tình dục với T1, đồng thời T1 đe dọa nếu ông C không đưa tiền thì T1 gặp ngoài đường sẽ đánh, giết ông C và làm hại vợ, con ông C. T1 nhiều lần gọi điện thoại gây sức ép cho ông C buộc ông C phải đưa số tiền 63.000.000 đồng. Do lo sợ sự đe dọa của T1 nên ông C hẹn gặp T1 đưa trước số tiền 17.000.000 đồng. Ngày 18/7/2023, T1 gọi điện thoại yêu cầu ông C đưa tiền thì ông C hẹn qua ngày hôm sau. Đến ngày 19/7/2023, T1 tiếp tục gọi điện thoại ép buộc, đe dọa ông C đưa tiền thì ông C hẹn T1 ra quán cà phê tại địa chỉ Số E trên đường V, ấp E, xã L, huyện B và đi trình báo cho Công an xã L biết toàn bộ sự việc trên. Tại quán cà phê ông C yêu cầu T1 viết giấy xác nhận việc nhận số tiền 17.000.000 đồng và chấm dứt quan hệ qua lại với nhau, T1 viết xong, ông C cầm số tiền 17.000.000 đồng đặt trên bàn để đưa cho T1 thì Công an xã L đến bắt quả tang, tạm giữ vật chứng, lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển đến Cơ quan điều tra Công an huyện B điều tra.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Nguyễn Thị Mỹ T1 khai nhận hành vi phạm tội như vụ án đã nêu trên, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) USB hiệu Toshiba 16GB, màu trắng chứa dữ liệu ghi âm điện thoại giữa ông Phạm Duy C và Nguyễn Thị Mỹ T1;
- 01 (một) USB hiệu Toshiba 02GB, màu trắng chứa đoạn video ghi nhận sự việc cưỡng đoạt tài sản;
- 01 (một) quyển tập hiệu Hiệp Phong đã qua sử dụng có ghi nội dung T1 nhận tiền của ông C;
- 01 (một) ĐTDĐ hiệu OPPO Reno 6, sim số điện thoại 0941996959;
- 01 (một) ĐTDĐ Iphone X số điện thoại 0362899165;
- 01 (một) ĐTDĐ OPPO A53 số điện thoại 0346424824;
- 01 (một) xe mô tô SH mode biển số 68L1 – 306.41;
- Số tiền 17.000.000 đồng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại cho ông C.

Tại bản cáo trạng số 308/CT-VKS ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ T1** về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2, Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ T1** từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Xử lý vật chứng: tịch thu sung quỹ 01 (một) ĐTDĐ hiệu OPPO Reno 6, sim số điện thoại 0941996959; giao trả cho bị cáo 01 (một) ĐTDĐ Iphone X số điện thoại 0362899165, 01 (một) ĐTDĐ OPPO A53 số điện thoại 0346424824, 01 (một) xe mô tô SH mode biển số 68L1 – 306.41; bảo lưu hồ sơ vụ án 01 (một) USB hiệu Toshiba 16GB, màu trắng chứa dữ liệu ghi âm điện thoại giữa ông **Phạm Duy C** và **Nguyễn Thị Mỹ T1**, 01 (một) USB hiệu Toshiba 02GB, màu trắng chứa đoạn video ghi nhận sự việc cưỡng đoạt tài sản, 01 (một) quyển tập hiệu Hiệp Phong đã qua sử dụng có ghi nội dung **T1** nhận tiền của ông **C**.

- Bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ T1** khai nhận hành vi như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hai ông **Phạm Duy C** xin bãi nại, giảm nhẹ mức mình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ T1** đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như nội dung cáo trạng đã truy tố. Ông **Phạm Duy C** đã có vợ nhưng lại có mối quan hệ tình cảm nam nữ với **Nguyễn Thị Mỹ T1**, vào khoảng đầu tháng 7/2023, do **T1** cần tiền chữa bệnh và tiêu xài cá nhân nên đã xin tiền ông **C** nhưng ông **C** không cho. **T1** đã điện thoại, nhắn tin đe dọa ông **C**, phải chu cấp số tiền là 63.000.000 đồng thì mới đồng ý chấm dứt quan hệ với ông **C** nếu không thực hiện sẽ thông báo cho vợ ông **C** biết về mối quan hệ tình cảm giữa hai người và nếu gặp ông **C** ngoài đường sẽ đánh giết ông và làm hại vợ, con ông **C**. Dưới sức ép của **T1** nên ông **C** đã hẹn **T1** ngày 19/7/2023 đến quán cà phê địa chỉ **Số E trên đường V, ấp E, xã L, huyện B** để đưa trước một số tiền, số còn

lại sẽ đưa sau. Khi ông C đưa cho T1 số tiền 17.000.000 đồng thì bị bắt quả tang cùng tang vật. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang do công an xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 19/7/2023, lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng vụ án, những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ. Khi thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 63.000.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng hành vi, đúng người, đúng tội.

[4] Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin bãi nại và giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về vật chứng vụ án:

[6] Tiếp tục lưu trữ hồ sơ vụ án: 01 (một) USB hiệu Toshiba 16GB, màu trắng chứa dữ liệu ghi âm điện thoại giữa ông C và bị cáo; 01 (một) USB hiệu Toshiba 02GB, màu trắng chứa đoạn video ghi nhận sự việc cưỡng đoạt tài sản ngày 19/7/2023; 01 (một) quyển tập hiệu Hiệp Phong đã qua sử dụng có ghi nội dung T1 nhận tiền của ông C.

[7] 01 (một) ĐTDĐ hiệu OPPO Reno 6, sim số điện thoại 0941996959 thu giữ của T1 sử dụng để liên lạc, đe dọa ông C nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] 01 (một) ĐTDĐ Iphone X số điện thoại 0362899165; 01 (một) ĐTDĐ OPPO A53 số điện thoại 0346424824 của bị cáo T1 mà bị cáo khai nhận không liên quan đến hành vi phạm tội nên giao trả lại cho bị cáo.

[10] 01 (một) xe mô tô SH mode biển số 68L1 – 306.41 qua xác minh do bị cáo đăng ký quyền sở hữu nên giao trả lại cho bị cáo.

[11] Số tiền 17.000.000 đồng Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho ông C nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[12] Về dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản bị cưỡng đoạt, không có yêu cầu

bồi thường thiệt hại và có đơn bãi nại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, khung hình phạt đối với các bị cáo cũng như xử lý vật chứng vụ án và chấp nhận đề nghị của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ T1** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/7/2023.

Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự ; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự :

- Tịch thu và nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) ĐTDĐ hiệu OPPO Reno 6, sim số điện thoại 0941996959.

- Giao trả cho bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ T1**: 01 (một) ĐTDĐ Iphone X số điện thoại 0362899165; 01 (một) ĐTDĐ OPPO A53 số điện thoại 0346424824 và 01 (một) xe mô tô SH mode biển số 68L1 – 306.41.

(vật chứng trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/11/2023 giữa **Công an huyện B** và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh).

- Tiếp tục lưu trữ hồ sơ vụ án: 01 (một) USB hiệu Toshiba 16GB, màu trắng; 01 (một) USB hiệu Toshiba 02GB, màu trắng và 01 (một) quyển tập hiệu Hiệp Phong.

Về dân sự: Ghi nhận việc bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Về án phí : Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo : Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM; (1)
- VKSND TPHCM; (1)
- VKSND huyện Bình Chánh; (1)
- CA huyện Bình Chánh; (2)
- Chi cục THADS H. Bình Chánh; (1)
- **PV 06** - Công an TPHCM; (1)
- Sở tư pháp TPHCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự; (1)
- Lưu. (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Duy Linh

